

บทที่ 5 เลิกเรียนกี่โมง

第五课：下课几点？

吃饭
chī fàn

起床
qǐ chuáng

写作业
xiě zuòyè

洗澡
xǐ zǎo

上课
shàng kè

看电视
kàn diànshì

锻炼
duàn liàn

睡觉
shuì jiào

上网
shàng wǎng

回家
huí jiā





















Name

class